TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN N **THÀNH PHỐ HÀ NỘI**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 31 /2018/HNGĐ-ST
Ngày: 19 / 10 / 2018.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN QUẬN N - **THÀNH PHỐ HÀ NỘI**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Phan Thị Kim Thanh.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Đào Ngọc Chiến;

Bà Nguyễn Thị Thanh Xuân

- *Thư ký phiên tòa:* Ông Trần Hưng – Thư ký TAND quận N.

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận N tham gia phiên tòa*: Bà Lê Thị Thùy Dương - Kiểm sát viên.

Ngày 19 tháng 10 năm 2018 tại trụ sở Toà án nhân dân quận N xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân và gia đình thụ lý số: 163/2018/TLST-HNGĐ ngày 04 tháng 5 năm 2018 về việc xin ly hôn, tranh chấp nuôi con. Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 60 /2018/QĐXX-ST ngày 01 tháng 10 năm 2018, giữa:

- Nguyên đơn: Chị Nguyễn Bích D, sinh năm 1986.(có mặt)

- Bị đơn: Anh Vi Văn D, sinh năm 1981.(có mặt)

Cùng địa chỉ : A khu CNĐT X, tổ dân phố số Y, phường P, quận N, Hà Nội.

+ Luật sư bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho anh Vi Văn D .

Bà : Nguyễn Thị M; bà Đinh Thị H – Luật sư – Cty luật TNHH quốc tế C – Đoàn luật sư Hà Nội. Bà M (có mặt), bà H (vắng mặt có lý do)

+ Luật sư bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho chị Nguyễn Bích D.

Ông: Bạch Hùng D – Luật sư – Công ty Luật số 5 – Quốc Gia và bà Nguyễn Thị G – Luật sư – Văn phòng Luật sư Đ – Đoàn Luật sư Hà Nội(có mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện đề ngày 09 / 3 /2018 và trong quá trình tham gia tố tụng

tại Toà án và tại phiên tòa nguyên đơn chị Nguyễn Bích D trình bày: Chị và anh Vi Văn D kết hôn ngày 07 / 3 /2012 tại UBND phường N , quận B, thành phố Hà Nội trên cơ sở tự nguyện. Sau khi kết hôn vợ chồng chị chung sống hạnh phúc được khoảng 01 năm, sau đó anh chị phát sinh mâu thuẫn từ khi sinh con. Nguyên nhân do vợ chồng không hiểu nhau, bất đồng quan điểm sống, hơn nữa anh D không có trách nhiệm với gia đình, tính gia trưởng dẫn đến cuộc sống vợ chồng không hạnh phúc nên vào năm 2014 chị đã làm đơn xin ly hôn nhưng vì con chị lại thôi, nhưng tình cảm vợ chồng vẫn không cải thiện được, mặc dù hiện nay hai vợ chồng vẫn sống chung nhà nhưng không ai quan tâm đến ai dẫn đến cuộc sống không hạnh phúc. Nay chị xác định tình cảm vợ chồng không còn nên đề nghị được ly hôn với anh D.

Về con chung: Vợ chồng có 01 con chung tên là: Vi Đức T, sinh ngày 17/12/2012. Nguyện vọng của chị là sau khi ly hôn được trực tiếp nuôi dưỡng cháu T và không yêu cầu anh D cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung, nhà đất và nợ chung: Chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại bản tự khai anh Vi Văn D trình bày : Anh thừa nhận về thời điểm kết hôn và thời gian chung sống như chị D trình bày . Sau khi kết hôn vợ chồng sống yên ổn, không có mâu thuẫn gì nhưng đến năm 2014 chị D đề nghị ly hôn không có lý do anh đã động viên, khuyên nhủ sau đó chị D có viết thư xin lỗi anh và vợ chồng trở lại chung sống bình thường. Nhưng nay chị D làm đơn xin ly hôn thì anh đồng ý.

Về con chung: Vợ chồng có 01 con chung tên là: Vi Đức T, sinh ngày 17/12/2012. Nguyện vọng của anh là sau khi ly hôn được trực tiếp nuôi dưỡng cháu T và không yêu cầu chị D cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung, nhà đất và nợ chung: Anh không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại phiên toà:

Chị Nguyễn Bích D vẫn giữ nguyên yêu cầu xin ly hôn anh Vi Văn D và giữ nguyên các ý kiến đã trình bày trước đây và anh D đồng ý ly hôn với chị D

Về con chung: Vợ chồng anh chị có 01 cháu Vi Đức T, sinh ngày 17/12/2012. Anh chị đều có nguyện vọng được nuôi dưỡng cháu và không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung, nhà đất và nợ chung: Chị D, anh D đều không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho chị Nguyễn Bích D.

Bà Nguyễn Thị G, ông Bạch Hùng D đề nghị Hội đồng xét xử: Công nhận thuận tình ly hôn cho chị D và anh D và giao cháu Vi Văn T cho chị D trực tiếp nuôi dưỡng và không đề nghị anh D cấp dưỡng nuôi con chung.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho anh Vi Văn D.

Bà Nguyễn Thị M đề nghị Hội đồng xét xử: Công nhận thuận tình ly hôn giữa chị D và anh D và giao cháu T cho anh D trực tiếp nuôi dưỡng và không đề nghị chị D cấp dưỡng nuôi con chung.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận N phát biểu ý kiến: qua kiểm sát việc giải quyết vụ án từ khi thụ lý vụ án đến thời điểm đưa vụ án ra xét xử thấy rằng:

Về việc chấp hành pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử và các đương sự: Thẩm phán đã chấp hành đúng quy định tại Điều 204, 205 Bộ luật tố tụng dân sự trong quá trình giải quyết vụ án. Tại phiên toà, Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Các đương sự đã thực hiện đúng về quyền và nghĩa vụ của mình.

Về quan điểm đường lối giải quyết vụ án:

Áp dụng Điều 55, 81, 82, 83 Luật hôn nhân gia đình năm 2014;

Điều 35, 39, 147, 271, 273 Bộ luật tố tụng dân sự;

Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí.

Đề nghị:

- Công nhận thuận tình ly hôn giữa chị Nguyễn Bích D và anh Vi Văn D.

- Về con chung: Vợ chồng anh chị có 01 con chung là: Vi Đức T, sinh ngày 17/12/2012. Đề nghị giao cháu T cho chị D trực tiếp nuôi dưỡng vì hiện nay cháu T còn nhỏ cần sự chăm sóc của người mẹ.

Về cấp dưỡng: Chị D không yêu cầu phải cấp dưỡng nuôi con chung cho nhau.

Anh D được quyền đi lại chăm sóc con chung, không ai có quyền ngăn cản.

-Về tài sản chung, nợ chung: Anh chị không yêu cầu Hội đồng xét xử giải quyết, nên không xét.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Quan hệ giữa chị Nguyễn Bích D và anh Vi Văn D là vợ chồng hợp pháp. Chị D có đơn đề nghị xin ly hôn, do vậy xác định

quan hệ tranh chấp là " Hôn nhân và gia đình" thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân quận N, thành phố Hà Nội.

Quá trình giải quyết vụ án cả nguyên đơn, bị đơn đều cư trú trên địa bàn quận N và đều thừa nhận vợ chồng không yêu cầu Tòa án giải quyết tài sản chung và công nợ. Do vậy, Toà án nhân dân quận N chỉ giải quyết hai mối quan hệ: ly hôn, nuôi con chung là đúng quy định tại Điều 28, Điều 35, 39 Bộ luật tố tụng dân sự là có căn cứ và đúng pháp luật.

[1] Về nội dung.

Về tình cảm: Chị D và anh D kết hôn từ năm 2012 có đăng ký tại UBND phường N, quận B, thành phố Hà Nội. Hôn nhân của anh chị là hợp pháp. Quá trình chung sống vợ chồng chỉ hạnh phúc được khoảng 01 năm, sau đó phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do vợ chồng không hợp nhau về tính cách, luôn bất đồng quan điểm sống, cuộc sống vợ chồng không hạnh phúc, nên vào năm 2014 chị D đã làm đơn xin ly hôn anh D nhưng vì con chị D đã không nộp đơn đến Tòa án giải quyết để vợ chồng về đoàn tụ cùng nhau nuôi dạy con chung, nhưng tình cảm vợ chồng vẫn không cải thiện được. Nay chị D xác định vợ chồng có nhiều mâu thuẫn và không thể đoàn tụ được, chị D yêu cầu ly hôn và anh D đồng ý ly hôn.

Qua lời khai của các đương sự, qua thu thập chứng cứ tại tổ dân phố nơi chị D, anh D cư trú phù hợp thể hiện việc vợ chồng anh chị mâu thuẫn là có thật. Điều đó, chứng tỏ mâu thuẫn vợ chồng đã trầm trọng, mục đích của hôn nhân không đạt được, việc chung sống sẽ không thể đem lại hạnh phúc cho hai bên nên chị D yêu cầu được ly hôn anh D, anh D đồng ý là có căn cứ, phù hợp Điều 55 của Luật hôn nhân gia đình nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

Về con chung: Anh chị có một con chung là cháu Vi Đức T, sinh ngày 17/12/2012 Chị D và anh D đều có nguyện vọng nuôi dưỡng cháu và anh chị đều không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con chung.

Chị D và anh D đều có nguyện vọng nuôi con chung là chính đáng. Hội đồng xét xử xem xét về điều kiện nuôi con của anh chị thì thấy rằng:

Anh Vi Văn D có chỗ ở ổn định tại A khu CNĐT X, tổ dân phố số Y, phường P, quận N, Hà Nội hiện nay anh làm tại Công ty cổ phần xây lắp và sản xuất C tại Tầng D, Tòa nhà hỗn hợp S, Km K đường T, Phường V, quận H, thành phố Hà Nội, thu nhập hàng tháng của anh D là x đồng

Chị Nguyễn Bích D có chỗ ở ổn định tại định tại A khu CNĐT X, tổ dân phố số Y, phường P, quận N, Hà Nội hiện nay chị D đang công tác tại Công ty D, phường T, Quận T, thành phố Hà Nội, tiền cho thuê nhà là x đ, tiền cho thuê Ki OT tại Kiot số B, Khu ĐTM M, huyện T, thành phố Hà Nội là x đ (x triệu đồng chẵn), 01 căn hộ chung cư Phòng 61, (tầng 6) diện tích sử dụng 74,89m2 tại Ct 3B khu ĐTM M, thành phố Hà Nội.

Như vậy về điều kiện nuôi con anh D, chị D đều đủ điều kiện nuôi con theo

quy định của pháp luật. Tuy nhiên Tòa án xác minh tại trường Tiểu học Lê Quý Đôn nơi cháu T đang học thì được biết chị D là người thường xuyên đưa đón cháu T đi học hơn nữa thời điểm này cháu T còn nhiều bỡ ngỡ vì cháu vừa học hết mẫu giáo bắt đầu vào lớp 1 rất cần sự quan tâm, chăm sóc tỉ mỉ của người mẹ, bên cạnh đó bố mẹ chị D hiện nay đã nghỉ hưu có sức khỏe và có điều kiện về kinh có thể giúp chị D chăm sóc, giáo dục cháu T nên giao cháu T cho chị D trực tiếp nuôi dưỡng là phù hợp với Điều 81 của luật Hôn nhân và gia đình năm 2014. Anh D có quyền thăm nom con chung không ai có quyền ngăn cản.

Về cấp dưỡng nuôi con: Chị D không yêu cầu anh D cấp dưỡng nuôi con nên Hội đồng xét xử không xem xét.

Về tài sản chung, nhà đất và nợ chung*;* Chị D, anh D không yêu cầu giải quyết nên Tòa án không xem xét.

Về án phí : Chị D phải chịu toàn bộ án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định tại khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 31/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội;.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng các điều 55,57,58, 81, 83 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ vào các điều 147,227,228,271,273, của Bộ luật tố tụng dân sự; Khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 31/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

Xử:

1. Công nhận thuận tình ly hôn giữa Chị Nguyễn Bích D ly hôn với anh Vi Văn D

2. Về con chung: Giao cháu Vi Đức T, sinh ngày 17/12/2012, cho chị D trực tiếp nuôi dưỡng.

Về cấp dưỡng nuôi con chung: Tạm hoãn việc cấp dưỡng nuôi con chung cho đến khi chị D có đơn yêu cầu.

Anh D có quyền thăm nom con chung không ai được cản trở.

3. Về tài sản chung, nhà đất và nợ chung: Chị D, anh D đều không yêu cầu Toà án giải quyết.

4.Về án phí : Chị Nguyễn Bích D phải chịu 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) tiền án phí ly hôn sơ thẩm, được trừ vào số tiền tạm ứng án phí chị D đã nộp theo biên lai thu số AK/1010/0007723 ngày 18/4/2018 của Chi cục Thi hành án dân sự quận N, thành phố Hà Nội.

5. Về quyền kháng cáo:

Chị Nguyễn Bích D, anh Vi Văn D có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:
- TAND thành phố Hà Nội;
- VKS ND Quận N;
- THA DS Quận N;
- Các Đương sự;
- UBND phường N, quận B,Hà Nội;
- Lưu HS+ VPTA.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà

Phan Thị Kim Thanh

CÁC HỘI THẨM NHÂN DÂN **THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nơi nhận:
- TAND thành phố Hà Nội;
- VKS N quận N;
- THA DS quận Nt;
- Các Đương sự;
- UBND phường Trung Văn;
- Lưu HS+ VPTA.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà

Phan Thị Kim Thanh